

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÁC DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH THÁI NGUYÊN

Lê Ngọc Nương^{1*}, Đỗ Thái Hòa²

¹Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh – ĐH Thái Nguyên,

²Trường Cao đẳng Kinh tế kỹ thuật

TÓM TẮT

Thái Nguyên là tỉnh có nhiều lợi thế so sánh về vị trí địa lý, khí hậu thuận lợi, tài nguyên khoáng sản phong phú là cơ sở để thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp trong đó có loại hình doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa (DNCNNVV). Các DNCNNVV ở Thái Nguyên ngoài những thuận lợi về cơ chế chính sách, sự nhất quán chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần vẫn còn gặp phải những khó khăn như trình độ công nghệ còn thấp, tốc độ đổi mới công nghệ chậm,... Nghiên cứu này sẽ tập trung phân tích thực trạng hoạt động, tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của các DNCNNVV, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm phát triển DNCNNVV tỉnh Thái Nguyên.

Từ khóa: *Doanh nghiệp công nghiệp, doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa, Thái Nguyên*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Thái Nguyên nằm trong vùng Trung du miền núi phía Bắc, là một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa của vùng, là cửa ngõ phía nam nối vùng Việt Bắc với thủ đô Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Sông Hồng; có nhiều lợi thế so sánh về vị trí địa lý, khí hậu thuận lợi, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên rừng phong phú,... là cơ sở để thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp và phát triển kinh tế chung của Tỉnh.

Trong những năm gần đây, số lượng doanh nghiệp công nghiệp (DNCN) và DNCNNVV tại Thái Nguyên gia tăng nhanh chóng trong đó số lượng DNCNNVV chiếm gần 2/3 số DNCN, tạo công ăn việc làm cho 15.294 lao động và đóng góp đáng kể vào GDP cũng như ngân sách của tỉnh.

Tuy nhiên, việc phát triển công nghiệp cũng như DNCNNVV thời gian qua đã có biểu hiện của sự phát triển không bền vững, đóng góp về giá trị gia tăng của ngành chưa tương xứng với tốc độ tăng quá cao của giá trị sản xuất... một số phân ngành có lợi thế nhưng chậm được đổi mới theo một chiến lược tổng thể dài hạn. Vì vậy, cần có một nghiên cứu cụ thể về thực trạng hoạt động của các

DNCNNVV để từ đó đưa ra các giải pháp nhằm phát triển loại hình DN đang rất cần được quan tâm tại tỉnh Thái Nguyên.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Thực trạng các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thái Nguyên

Hỗ trợ từ Chính phủ

Với mục tiêu tổng quát: Đến năm 2025, công nghiệp Việt Nam phát triển với cơ cấu hợp lý theo ngành và lãnh thổ, có khả năng cạnh tranh để phát triển trong hội nhập, có công nghệ hiện đại, đội ngũ lao động có đủ trình độ đáp ứng nhu cầu của nền sản xuất hiện đại... Chính phủ đã ra các Nghị định số 90/2001/NĐ-CP đến Nghị định số 56/2009/NĐ-CP với nội dung chính là trợ giúp về vốn cho các DNCNNVV.

Ngoài ra, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 1273/QĐ-TTg ngày 07/8/2015 về việc phân công cơ quan chủ trì soạn thảo các dự án luật, pháp lệnh năm 2016 trong đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức xây dựng Dự thảo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV).

Bên cạnh đó, trong lĩnh vực công nghiệp có Quyết định số 260/QĐ-TTg ngày 27/02/2015 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh

* Tel: 0973 282586

tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

- Phát triển công nghiệp Thái Nguyên đa ngành, đa lĩnh vực. Trong đó, ưu tiên tập trung phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao có khả năng tham gia vào chuỗi sản xuất toàn cầu và một số chuyên ngành có giá trị gia tăng lớn mà tỉnh có lợi thế

- Phát triển công nghiệp theo chiều sâu, chú trọng chất lượng tăng trưởng để đảm bảo tính bền vững.

- Khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp dân doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa, đầu tư nước ngoài... Chú trọng phát triển nguồn nhân lực công nghiệp trình độ cao.

- Phát huy nội lực và tranh thủ tối đa các nguồn lực từ bên ngoài với nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia.

Ngoài ra, thông qua bảng đánh giá của cán bộ quản lý đối với nhân tố *Sự hỗ trợ của Chính phủ* cho thấy thấy người được hỏi đánh giá sự hỗ trợ của Chính phủ có giá trị trung bình dao động trong khoảng từ 2,97 - 3.15 là mức đánh giá khá.

Chính sách của địa phương

Thực hiện chủ trương, chính sách chung của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển công nghiệp trong đó có các doanh nghiệp công nghiệp và Nghị định của Chính phủ về hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2015 - 2020; Kết luận số 14-KL/TU ngày 31/3/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2015 - 2020 về quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Kết luận số 157-KL/TU ngày 17/7/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khóa XVIII về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên, 5 năm 2016 - 2020 được ra đời.

Bên cạnh đó, thông qua đánh giá của các cán bộ quản lý của các DNCNNVV tỉnh Thái

Nguyên thấy rằng mức điểm đánh giá trung bình từ 3.70 - 3.95 đạt mức tốt. So với sự hỗ trợ của Chính phủ thì sự hỗ trợ của địa phương được xem là gần gũi hơn với những đối tượng thụ hưởng - các DNCNNVV, trong đó họ đánh giá quan điểm "*Hội DNNVV có nhiều hỗ trợ tích cực cho DN*" với mức điểm thấp nhất 3.70 cho thấy rằng hoạt động của hội DNNVV ở tỉnh chưa thực sự gây ảnh hưởng với các cán bộ quản lý DNCNNVV, quan điểm "*DN không gặp khó khăn gì về thủ tục hành chính tại địa phương*" với mức điểm cao nhất 3.95.

Trình độ công nghệ

Trình độ công nghệ và trang thiết bị là yếu tố quan trọng để đánh giá năng lực sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp, là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp tới việc đảm bảo và nâng cao chất lượng sản phẩm. Nó cũng là yếu tố quyết định đến việc hạ giá thành sản phẩm. Công nghệ của các DNCNNVV Thái Nguyên được cụ thể như sau:

- **Ngành luyện kim:** Thái Nguyên có truyền thống về ngành luyện kim đen và luyện kim màu. Ngành luyện kim mặc dù gần đây đã được đầu tư chiều sâu nhưng nhìn chung, do quy mô công suất nhỏ nên về tổng thể công nghệ thiết bị của ngành còn lạc hậu, sản phẩm không đa dạng, trình độ chế biến tinh chưa cao, chưa có các sản phẩm cao cấp dùng cho công nghiệp chế tạo máy, đóng tàu...

- **Ngành khai thác:** Công nghệ khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh hiện vẫn ở trình độ lạc hậu, năng suất thấp, sử dụng nhiều lao động thủ công, gây tổn thất và thất thoát tài nguyên, ô nhiễm môi trường.

- **Ngành cơ khí:** Thái Nguyên có năng lực đúc và rèn dập khá mạnh trong cả nước. Tuy nhiên, hiện trạng thiết bị của ngành phần lớn đã cũ, lạc hậu, với đa số là các loại thiết bị vận năng cấp chính xác loại trung bình (cấp 1 và 2) được nhập khẩu từ vài chục năm trước, nên tiêu hao năng lượng lớn, hiệu quả sản xuất thấp.

- **Ngành dệt may - da giày:** Mấy năm trở lại

đây, ngành phát triển tương đối mạnh, nhiều cơ sở mới ra đời (hiện đã có trên chục cơ sở lớn và vừa) có trình độ công nghệ khá và trang thiết bị nhập đồng bộ từ Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc, Trung Quốc...

- Ngành chế biến nông - lâm sản, thực phẩm và đồ uống: Có khá nhiều cơ sở lớn sản xuất các loại sản phẩm: Sữa, Chè, thịt gia súc gia cầm, rượu, bia, nước giải khát... được đầu tư thiết bị công nghệ sản xuất đồng bộ nhập từ Thụy Điển, Nhật Bản... trình độ công nghệ đa phần vào loại khá và trung bình khá.

Như vậy, trình độ công nghệ của một số ngành sản xuất chính trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cơ bản ở mức trung bình khá.

Bên cạnh đó, đánh giá của cán bộ quản lý về trình độ khoa học công nghệ của đơn vị đạt mức khá, có giá trị trung bình từ mức điểm 3.22 - 3.34, trong đó họ thể hiện sự đồng tình thấp nhất với quan điểm "*Công nghệ hiện tại có hỗ trợ cho quá trình đổi mới*" với mức điểm 3.22 và quan điểm "*Công nghệ hiện tại dễ dàng được vận hành*" được đánh giá mức điểm cao nhất 3.34.

Lao động

Qua bảng 1 ta thấy rằng qua 3 năm, số lượng lao động trong các DNCN tăng lên nhanh chóng. Trong tổng số lao động của các ngành kinh tế cấp II của tỉnh thì lao động trong ngành công nghiệp chế biến luôn chiếm tỷ trọng cao nhất do số lượng DN hoạt động trong lĩnh vực này cũng chiếm tỷ lệ lớn nhất.

Bên cạnh đó, đánh giá của cán bộ quản lý về nhân tố lao động thể hiện ở mức độ đồng tình với giá trị trung bình chung dao động từ 3.85 đến 3.97, đạt ở mức tốt, trong đó các cán bộ quản lý đánh giá mức độ đồng tình thấp nhất về quan điểm "*DN có cơ chế để tuyển dụng nhân viên thích hợp*" và quan điểm "*Lao*

động có cơ hội được đào tạo để phát triển cao hơn" điều này cho thấy một thực trạng về công tác tuyển dụng và đào tạo nhằm nâng cao trình độ của người lao động trong DN và các cán bộ quản lý đánh giá mức độ đồng ý cao nhất về quan điểm "*DN cung cấp những ưu đãi tài chính và phi tài chính cho nhân viên*" vì cơ bản các DN dù quy mô lớn hay nhỏ đều đã cung cấp những ưu đãi cho nhân viên mình cả về tài chính và phi tài chính như lương, thưởng, chế độ, điều kiện làm việc,...

Năng lực quản lý

Năng lực quản lý của chủ doanh nghiệp là thước đo để đánh giá trình độ quản lý của chủ doanh nghiệp. Khi nói tới năng lực quản lý của chủ DN nói chung và chủ DNCNNVV nói riêng thường liên quan đến trình độ học vấn của chủ DN.

Ngoài ra, các cán bộ quản lý đánh giá mức độ đồng tình về các quan điểm ở mức tốt, giá trị trung bình dao động từ 4.20 đến 4.23. Cụ thể, người trả lời đánh giá cao nhất ở quan điểm "*Chủ DN có thể thực hiện các hoạt động hiệu quả trong cùng một khoảng thời gian*" và "*Nhân viên trong DN hài lòng về cách thức quản lý của chủ DN*" cùng đạt $X = 4.23$.

Chính sách đào tạo

Khi bàn về nhân tố đào tạo và sự ảnh hưởng của nó tới sự phát triển của các DNCNNVV tỉnh Thái Nguyên thì các chuyên gia được mời tham gia thảo luận đều cho rằng đào tạo có vai trò rất lớn trong việc tăng năng suất lao động của nhân viên, từ đó tạo ra hiệu quả công việc, hiệu quả trong kinh doanh và tác động tới sự phát triển của DNCNNVV. Bên cạnh đó, các DNCNNVV ở tỉnh Thái Nguyên khi được hỏi hầu hết trả lời rằng họ có rất ít chiến lược đào tạo gắn liền với tầm nhìn và mục tiêu cụ thể của doanh nghiệp.

Bảng 1. Số lao động trong các doanh nghiệp công nghiệp Thái Nguyên phân theo ngành kinh tế

| STT | Ngành kinh tế | 2013 | 2014 | 2015 |
|----------------|---|---------------|---------------|----------------|
| 1 | Khai khoáng | 3.613 | 3.768 | 3.479 |
| 2 | Công nghiệp chế biến, chế tạo | 42.440 | 43.695 | 95.392 |
| 3 | Sản xuất và phân phối điện, khí đốt hơi nước, nước nóng và điều hòa không khí | 1.800 | 1.809 | 2.055 |
| 4 | Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải | 1.185 | 1.233 | 1.426 |
| Tổng số | | 49.038 | 50.505 | 102.352 |

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2015)

Về phía cơ quan quản lý Nhà nước, Trung tâm Khuyến công và phát triển công nghiệp trực thuộc Sở Công thương hàng năm đều xây dựng các chương trình đào tạo nhằm hỗ trợ các DNCNNVV đặc biệt là các DNCNNVV ở nông thôn với lộ trình thực hiện các chương trình giai đoạn 2016 - 2020 được Trung tâm xây dựng với mức kinh phí tăng dần hàng năm nhằm hỗ trợ về đào tạo cho các DN.

Tiếp cận vốn

Theo như kết quả phân tích định tính thì tất cả các chuyên gia đều cho rằng công nghệ và tài chính là hai yếu tố có liên quan mật thiết với nhau và ảnh hưởng rất lớn tới sự tồn tại và phát triển của các DNCNNVV tỉnh Thái Nguyên. Bởi vì hiện nay, công nghệ của DNCNNVV trên địa bàn tỉnh quá lạc hậu so với các nước trên thế giới, nhiều chủ DNCNNVV của tỉnh khi được hỏi đều cho rằng rất muốn đầu tư thêm công nghệ để nâng cao năng suất và đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của đối tác nước ngoài, song cản trở thứ hai nữa đó là vấn đề tài chính. Thông qua đánh giá của cán bộ quản lý có thể thấy họ đánh giá rất cao sự ảnh hưởng của nhân tố này đối với sự phát triển của các DNCNNVV.

Kết quả khảo sát số liệu sơ cấp các cán bộ quản lý của DNCNNVV cũng cho thấy sự đánh giá rất cao về yếu tố này với giá trị trung bình chung dao động từ 4.25 đến 4.28, đạt ở mức tốt.

Nhận xét chung về thực trạng hoạt động của các DNCNNVV tỉnh Thái Nguyên

Những mặt đạt được

Ngành công nghiệp đã có những đóng góp đáng kể trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội chung của Tỉnh; tỷ trọng của ngành đã tăng từ 33,82% (Công nghiệp-Xây dựng là 38,71%) năm 2005 lên 35,5 % năm 2014 (Công nghiệp-Xây dựng là 44%) và năm 2015 đạt khoảng 40% (Công nghiệp-Xây dựng đạt trên 47%) trong cơ cấu kinh tế chung của Tỉnh (theo giá hiện hành).

- Hàng loạt các DNCNNVV, cơ sở sản xuất

công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ra đời đã tạo ra nhiều việc làm cho người lao động.

- Cơ cấu nội ngành công nghiệp đang chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng các DNCNNVV chế tạo máy, điện tử, gia công kim loại và cơ khí lắp ráp đã tăng nhanh so với các DNCNNVV truyền thống khác như luyện kim, khai thác và chế biến khoáng sản.

Những hạn chế và nguyên nhân

- Các DNCNNVV phụ trợ kém phát triển, đặc biệt là DNCNNVV chế biến (một số ngành sản xuất lớn của tỉnh gần như 100% nhập nguyên, phụ liệu) có thể sản xuất các sản phẩm phụ trợ bằng nguyên liệu sẵn có trên địa bàn.

- Phần lớn các doanh nghiệp vừa và nhỏ thiếu vốn đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh; việc huy động vốn kinh doanh của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn; khả năng thu hút vốn để đầu tư phát triển các dự án công nghiệp chế biến gắn với xây dựng nông thôn mới của địa phương còn nhiều hạn chế.

- Đa phần các DNCNNVV trên địa bàn chưa chú trọng nhiều đến công tác đào tạo tại DN cũng như có những giải pháp khả thi nhằm nâng cao năng lực quản lý và trình độ cho người lao động.

Giải pháp phát triển doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thái Nguyên

Giải pháp liên quan đến sự hỗ trợ của Chính phủ

Đối với Chính phủ việc cần thực hiện trước nhất là rà soát và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý, chính sách. Cụ thể là :

- Thực hiện công khai hóa, minh bạch hóa các qui hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách trên từng ngành, lĩnh vực cụ thể.

- Rà soát lại toàn bộ các văn bản pháp lý, liên quan đến hoạt động kinh tế và thương mại để sửa đổi bổ sung đáp ứng tiêu chuẩn rõ ràng, nhất quán, dễ hiểu, được thực hiện giống nhau trong các cơ quan chức năng.

- Tạo điều kiện tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất cho các DNCNNVV

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các DNCNNVV tiếp

cận các nguồn vốn, ưu tiên các DN sản xuất hàng xuất khẩu, hàng có giá trị gia tăng cao.

Giải pháp nhằm nâng cao vai trò của địa phương đối với sự phát triển của DNCNNVV

- Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, xây dựng mới các chính sách ưu đãi đầu tư cho phù hợp với từng thời kỳ, điều kiện cụ thể.

- Có cơ chế ưu đãi đặc biệt (về vay vốn, hỗ trợ đầu tư, ưu đãi thuê đất, thuế...) đối với đầu tư phát triển

- Xây dựng chính sách hỗ trợ về tài chính, tín dụng, kỹ thuật cho cơ sở sản xuất và nhà nông

Giải pháp về huy động vốn

- ***Giải pháp về phía các ngân hàng:***

+ Các Ngân hàng cần đổi mới cơ chế, chính sách tín dụng theo nguyên tắc thị trường, cải tiến thủ tục cho vay đối với các DNCNNVV theo hướng đơn giản, rõ ràng hơn

+ Đảm bảo bằng tài sản có thể được thay bằng hiệu quả của các phương án kinh doanh, hoặc các NHTM có thể tiến hành cho vay thông qua kết quả kinh doanh khả quan và giữ được uy tín trong việc trả nợ (hình thức vay tín chấp).

+ Các ngân hàng cũng cần khách quan và tích cực trong công tác thẩm định, đánh giá tình hình hoạt động và tài chính của DN khi xét duyệt cho vay

+ Ngân hàng nên duy trì và áp dụng việc đánh giá và phân loại khách hàng một cách chính xác

- ***Giải pháp về phía các DNCNNVV:***

+ Các DNCNNVV cần nâng cao năng lực trong quản trị tài chính.

+ Các DNCNNVV cần xây dựng mối quan hệ tốt với các NHTM trên địa bàn tỉnh.

+ Tham gia các hiệp hội, liên kết với các DNCNNVV hoặc các loại hình DN khác thông qua các hội chợ, chương trình khuyến công.

Giải pháp về khoa học công nghệ

- Lựa chọn đúng công nghệ cần đổi mới, sử dụng công nghệ nhiều tầng, kết hợp công

nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại.

- Kết nối đội ngũ cán bộ, giảng viên, nghiên cứu của các trường Đại học, đào tạo nghề trên địa bàn; tận dụng hiệu quả năng lực hiện có về nghiên cứu và đào tạo.

- Cập nhật kiến thức mới về tiến bộ khoa học công nghệ cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân trong Tỉnh;

Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển DNCNNVV

- Đào tạo thường xuyên theo định hướng phát triển công nghiệp chung của Tỉnh và cả nước

- Mở rộng hợp tác đào tạo công nhân kỹ thuật lành nghề với các cơ sở có trang thiết bị hiện đại trong và ngoài tỉnh;

- Liên kết, kêu gọi đầu tư các cơ sở đào tạo đạt tiêu chuẩn quốc tế; đầu tư xây mới, mở rộng qui mô, nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh;

- Khuyến khích, hỗ trợ đào tạo theo địa chỉ, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, cho sinh viên học các chuyên ngành đang có nhu cầu phát triển và tiếp nhận họ sau khi tốt nghiệp;

Giải pháp về lao động trong DNCNNVV

Giải pháp về phía cơ quan quản lý Nhà nước

- Các chính sách về thị trường lao động cần phải được điều chỉnh để tạo điều kiện cho sự dịch chuyển cơ cấu lao động phù hợp với kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật với định hướng thanh kiểm tra để làm tốt công tác quản lý nhà nước, kịp thời uốn nắn, chấn chỉnh những sai sót của doanh nghiệp.

Giải pháp về phía DNCNNVV

- Chủ DNCNNVV cần xây dựng chiến lược kinh doanh đi đôi với xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực.

- Các DNCNNVV cần tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động học tập; hỗ trợ kinh phí, thời gian, bố trí người làm thay để người lao động toàn tâm, toàn ý cho quá trình học tập.

- Xây dựng chế độ tiền lương, chính sách chăm sóc sức khỏe cho nhân viên một cách hợp lý.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên (2016), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2015*, Thái Nguyên.
2. Sở Công thương (2016), *Quy hoạch phát triển công nghiệp giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn 2030*, Thái Nguyên.
3. Sở Công thương (2016), *Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề*

- tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016 - 2020, Thái Nguyên.
4. Sở Công thương (2016), *Tài liệu tập huấn tuyên truyền về công tác khuyến công trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2016*, Thái Nguyên.
 5. UBND tỉnh Thái Nguyên (2016), *Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Thái Nguyên*, Thái Nguyên.

SUMMARY

SITUATION AND DEVELOPMENT SOLUTIONS OF SMALL AND MEDIUM INDUSTRIAL ENTERPRISES IN THAI NGUYEN PROVINCE

Lê Ngọc Nương^{1*}, Đỗ Thái Hòa²¹University of Economics and Business Administrations - TNU²Colleges Economics and Technical - TNU

Thai Nguyen has many comparative advantages in geographical location, favorable climate, mineral resources, rich in forest resources, abundant human resources of high quality which served as basis for promoting growth industries including industrial enterprises small and medium. Besides the favorable external policy mechanisms, consistent economic policy to develop many components are still encountering difficulties such as low technological level, slow technological innovation, the competitiveness of goods and services by small financial resources, in many cases depends on the development of large enterprises. This study was focused on rescue operation situation and the factors affecting the development of enterprises of small and medium enterprises. From the findings, measures to develop industrial enterprises of small and medium Thai Nguyen province were proposed.

Keywords: *Industrial enterprises, small and medium industrial enterprises, Thai Nguyen*

Ngày nhận bài: 26/7/2016; Ngày phản biện: 13/8/2016; Ngày duyệt đăng: 31/3/2017

* Tel: 0973 282586